

**CÔNG TY TNHH DẦU VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DẦU VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET SIGNS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0312688494

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 14/03/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** 66/14 Đường số 3, Phường 15, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0938262682

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).                                                                                                    | 4659(Chính) |
| 2.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý mô tô, xe máy.                                                                                                                                                                                                                      | 4541        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.                                                                                                                                                          | 4543        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng. Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn kính xây dựng. Bán buôn sơn, vécni. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng. | 4663        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                    | 3314        |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                   | 3320        |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4100        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                     | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4220        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn chế phẩm vệ sinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm.                                                                      | 4649                                                                |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                     | 4752                                                                |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                  | 4759                                                                |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                           | 3312                                                                |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                | 4210                                                                |
| 18. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn cà phê, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.                                                                                                                                                                   | 4632                                                                |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) | 4322                                                                |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330                                                                |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 4290                                                                |
| 22. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp | Tỷ lệ(%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | TRẦN QUỐC VIỆT         | 66/14 Đường số 3, Phường 15, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam            | 115.000.000     | 23,00    | 022540998                                                                                                             |
| 2   | TRẦN NGUYỄN THANH PHAN | 63/12 Nghĩa Hòa, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam            | 90.000.000      | 18,00    | 023178898                                                                                                             |

|   |                           |                                                                                |             |       |           |
|---|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|-----------|
| 3 | DƯƠNG<br>LƯU MAI<br>TRANG | 344/22 Lý Thái Tổ,<br>Phường 01, Quận 3,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh, Việt Nam | 260.000.000 | 52,00 | 022772175 |
| 4 | TRẦN<br>HỒNG<br>NHẬT      | Thôn Nam Phước, Xã<br>Phổ Vinh, Huyện Đức<br>Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi,<br>Việt Nam | 35.000.000  | 7,00  | 212182934 |

### 9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Họ và tên: TRẦN QUỐC VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/07/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 022540998

Ngày cấp: 25/11/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 66/14 Đường số 3, Phường 15, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 66/14 Đường số 3, Phường 15, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 10. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh